

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH T

Căn cứ Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 774/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Huỳnh Phương Đ, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Kiệt 233/2 N, phường M, quận S, thành phố Đ.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983. Nơi cư trú: 16 T, phường V, thành phố H, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Phương Đ và bà Nguyễn Thị T sau thời gian tìm hiểu đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình chấp nhận, có tổ chức lễ hỏi, cưới theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố H, tỉnh T vào ngày 26/8/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại 16 T, phường V, thành phố H, tỉnh T. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm và sống ly thân từ cuối năm 2018. Nay ông Đ và bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể khắc phục đoàn tụ được, nên cùng gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông, bà được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Huỳnh Phương Đ và bà Nguyễn Thị T có 02 con chung đăng ký khai sinh họ và tên Huỳnh Anh T, sinh ngày 19/12/2002 và Huỳnh

Đức K, sinh ngày 15/8/2007. Hai bên thỏa thuận giao cháu Huỳnh Đức K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Riêng cháu Huỳnh Anh T đã trưởng thành nên ông Đ, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên thỏa thuận ông Huỳnh Phương Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu Huỳnh Đức K mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ khi kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến lúc cháu Khoa trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Huỳnh Phương Đ và bà Nguyễn Thị T xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông Huỳnh Phương Đ và bà Nguyễn Thị T mỗi người phải chịu 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông Đ và bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004689 ngày 31/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh T.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Phương Đ và bà Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Huỳnh Đức K, sinh ngày 15/8/2007 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Cháu Huỳnh Anh T đã trưởng thành, các bên đương sự không có yêu

cầu, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Huỳnh Phương Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu Huỳnh Đức K mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến lúc cháu Khoa trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Huỳnh Phương Đ và bà Nguyễn Thị T xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Huỳnh Phương Đ và bà Nguyễn Thị T mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông Đ và bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004689 ngày 31/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh T, anh Đông và chị Thúy đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- UBND phường V, thành phố H;
(Ông Đ và bà T ĐKKH số 53, ngày 26/8/2002)
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự;
- Lưu dán.

THẨM PHÁN

Lê Thị Phương Dung